

Phân Tích Tài Chính Doanh Nghiệp

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lan

Khoa Tài Chính Ngân Hàng

Đại Học Ngoại Thương

Phân Tích Tài Chính Doanh Nghiệp

Mục tiêu môn học: Đọc và hiểu các báo cáo tài chính, cơ sở lập và các mối quan hệ giữa các báo cáo tài chính và ứng dụng được các kỹ thuật phân tích báo cáo tài chính.

Phân Tích Tài Chính Doanh Nghiệp

Nội dung môn học:

- Chương 1: Khái quát chung về phân tích TCDN
- Chương 2: Bảng cân đối kế toán
- Chương 3: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Chương 4: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Chương 5: Các kỹ thuật phân tích báo cáo tài chính
- Chương 6: Ứng dụng phân tích báo cáo tài chính

Phân Tích Tài Chính Doanh Nghiệp

Tài liệu tham khảo:

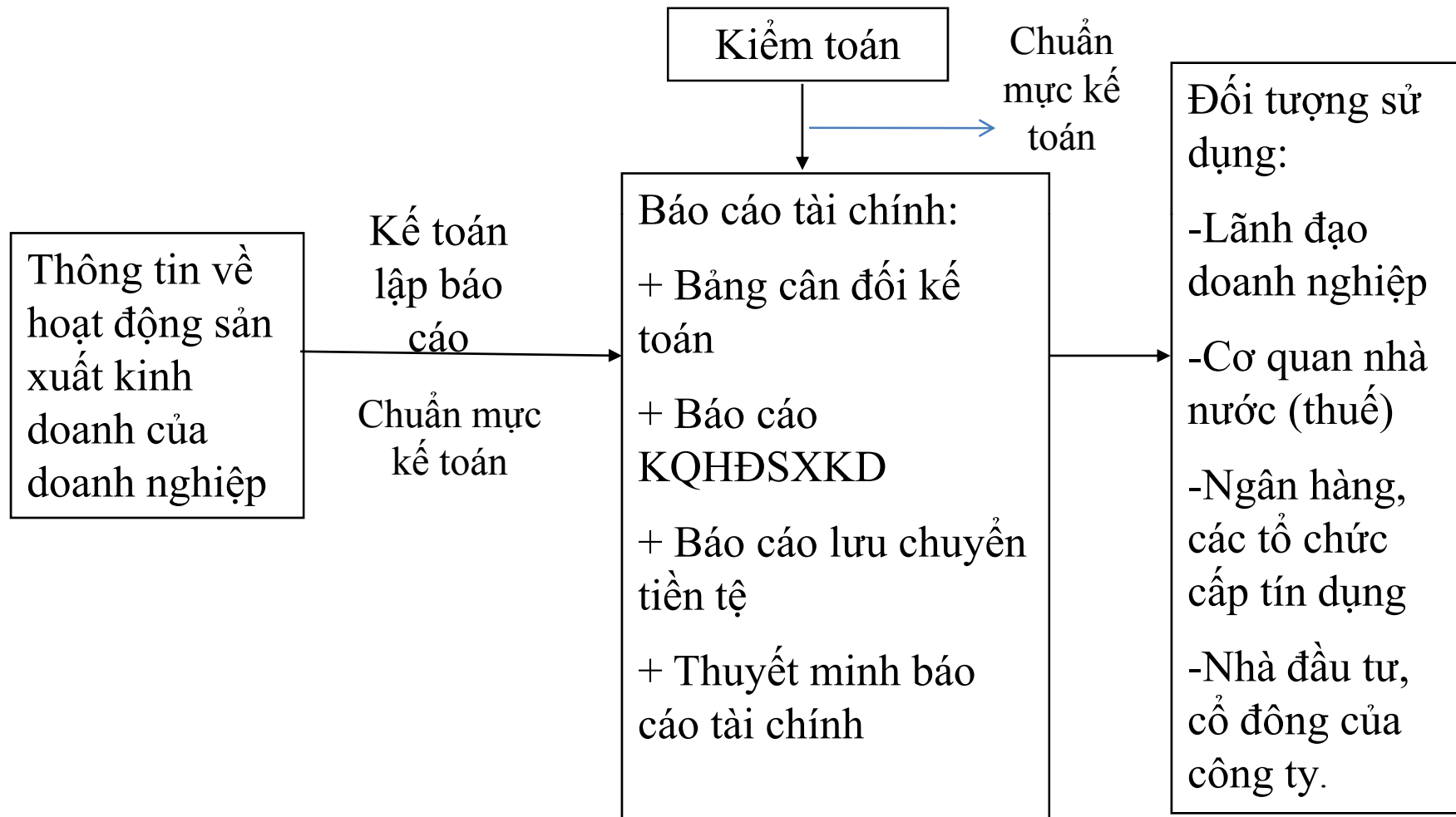
- “*Financial reporting and analysis, volume 3*”, Kaplan Schweser, 2009
- “*Financial reporting and analysis, volume 3*” CFA program curriculum, CFA institute, 2010
- TS. Phan Đức Dũng (2009) “*Phân tích báo cáo tài chính và định giá trị doanh nghiệp*”, Nhà xuất bản thống kê
- Ngô Thế Chi và Nguyễn Trọng Cơ (2008) “*Phân tích tài chính doanh nghiệp*”, Nhà xuất bản tài chính.
- <http://Webketoan.com.vn>

Chương 1: Khái Quát Chung Về Phân Tích Tài Chính Doanh Nghiệp

Nội dung chính

- Tổng quan báo cáo tài chính
- Cơ chế lập báo cáo tài chính
- Chuẩn mực báo cáo tài chính
- Phân tích tài chính doanh nghiệp

Tổng quan báo cáo tài chính



Tổng quan báo cáo tài chính

Khái niệm:

BCTC là báo cáo tổng hợp và trình bày một cách tổng quát và toàn diện tình hình tài sản, nguồn vốn, công nợ, tình hình và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán và phản ánh việc hình thành và sử dụng lượng tiền phát sinh trong kỳ kế toán

Tổng quan báo cáo tài chính

Mục đích: BCTC dùng để cung cấp thông tin về:

- Tình hình tài sản, nguồn hình thành tài sản
- Tình hình tài chính và những biến động về tình hình tài chính (nợ, vốn chủ sở hữu)
- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp
- Tạo ra tiền và sử dụng tiền trong kỳ kế toán
- Tuân thủ các nguyên tắc chuẩn mực kế toán và diễn giải những nội dung mà báo cáo KQHĐSXKD, cân đối kế toán, lưu chuyển tiền tệ diễn tả chưa rõ ràng

Tổng quan báo cáo tài chính

Đối tượng sử dụng:

- Lãnh đạo doanh nghiệp
- Cơ quan nhà nước
- Người cho vay
- Cổ đông
- Nhà đầu tư quan tâm khác

Tổng quan báo cáo tài chính

Phân loại báo cáo tài chính:

Việt Nam (Luật Kế Toán, chuẩn mực kế toán số 21)	Thế Giới (chuẩn mực kế toán thế giới-International accounting standards-IAS và U.S Generally Accepted Accounting Principles –GAAP.
<ul style="list-style-type: none">- Bảng cân đối kế toán- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ- Thuyết minh báo cáo tài chính	<ul style="list-style-type: none">- Bảng cân đối kế toán (Balance sheet)- Báo cáo HDSXKD (income statement)- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (cash-flow statement)- Thuyết minh báo cáo tài chính (Financial statement notes)- Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (Statement of changes in owners' equity)- Báo cáo thông tin bổ sung (supplementary schedules, VD: cơ cấu thu nhập, doanh thu theo vùng kinh doanh hay sản phẩm và dịch vụ, thông tin về các hoạt động bảo hiểm rủi ro hay các công cụ tài chính)- Báo cáo phân tích và thảo luận của cấp quản lý (Management's discussion and Analysis). Yêu cầu riêng đối với các công ty đại chúng ở Mỹ.

Cơ chế lập báo cáo tài chính

Các thành phần của báo cáo tài chính bao gồm:

- Tài sản (assets)
- Nợ (liabilities)
- Vốn chủ sở hữu (owners' equity)
- Doanh thu (revenues)
- Chi phí (expense)

Tài khoản điều chỉnh (contra accounts) – được dùng để điều chỉnh giảm giá trị của một tài khoản khác ví dụ: Khấu hao tích lũy (accumulated depreciation)

Cơ chế lập báo cáo tài chính

Tài sản (assets)

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam: “*Tài sản là nguồn lực do doanh nghiệp kiểm soát và có thể thu được lợi ích kinh tế trong tương lai*”
- Thế giới: “*Tài sản là nguồn lực kinh tế của công ty*”, *CFA institute*
- Tài sản bảo gồm: Tiền và các khoản tương đương tiền, khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản tài chính (chứng khoán), chi phí trả trước, bất động sản, nhà xưởng thiết bị, đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tài sản vô hình (bằng phát minh sáng chế, thương hiệu)

Cơ chế lập báo cáo tài chính

Nợ phải trả (liabilities):

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam: “*Nợ phải trả là nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp phát sinh từ các giao dịch và sự kiện đã qua mà doanh nghiệp phải thanh toán từ các nguồn lực của mình*”
- Thế giới: “*Nợ phải trả là quyền của chủ nợ đối với nguồn lực của công ty*”, CFA institute
- Nợ phải trả gồm: Các khoản phải trả, phải trả người bán, nợ vay ngắn hạn, nợ vay dài hạn, doanh thu chưa thực hiện

Cơ chế lập báo cáo tài chính

Vốn chủ sở hữu (Owner's equity)

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam: “là giá trị vốn của doanh nghiệp, được tính bằng số chênh lệch giữa giá trị Tài sản của doanh nghiệp trừ (-) Nợ phải trả”
- Thế giới: “là quyền của chủ sở hữu đối với nguồn lực còn lại của công ty sau khi đã thanh toán hết nợ”, CFA institute
- Vốn chủ sở hữu bao gồm: Vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại ...

Cơ chế lập báo cáo tài chính

Doanh thu:

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam: *“Doanh thu và thu nhập khác là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thụ được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu”*
- Thế giới: *“Doanh thu thể hiện dòng chảy vào của các nguồn lực kinh tế của công ty”, CFA institute*
- Doanh thu gồm: Doanh thu bán hàng (sales), phần tăng thêm của tài sản hay vốn chủ sở hữu phát sinh từ các giao dịch có liên quan đến các hoạt động thường nhật của công ty và thu nhập từ đầu tư, cổ tức, trái tức

Cơ chế lập báo cáo tài chính

Chi phí:

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam: *“Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu”*
- Thế giới: *“Là dòng chảy ra của các nguồn lực kinh tế của doanh nghiệp”, CFA institute*
- Chi phí bao gồm: Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý, khấu hao, chi phí thuế, chi phí lãi vay...

Cơ chế lập báo cáo tài chính

Phương trình kế toán:

- Tài sản = Nợ + Vốn chủ sở hữu
- Vốn chủ sở hữu = vốn góp + Lợi nhuận để lại cuối kỳ
- Lợi nhuận thuần = doanh thu - chi phí
- Lợi nhuận để lại cuối kỳ = lợi nhuận để lại đầu kỳ + lợi nhuận thuần - cổ tức

Cơ chế lập báo cáo tài chính

Ví dụ 1: Ta có bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12 năm 2004 và 2005 của Canon-một công ty sản xuất máy photocopy như sau:

	31/12/2004 (Triệu JPY)	31/12/2005 (Triệu JPY)
Tổng tài sản	3.587.021	4.043,553
Nợ phải trả	1.190.331	1.238.535
Vốn chủ sở hữu	2.396.690	?
Tổng nợ và vốn chủ sở hữu	3.587.021	4.043.553

A, Tính vốn chủ sở hữu vào ngày 31/12/2005

B, Tính và so sánh sự thay đổi của tổng tài sản năm 2005 với sự thay đổi của vốn chủ sở hữu năm 2005. Từ đó đưa ra bình luận về tầm quan trọng của việc tăng nợ và tăng vốn chủ sở hữu khi tài trợ cho tăng trưởng của tài sản trong vòng 2 năm.

Cơ chế lập báo cáo tài chính

Trả lời:

A, Vốn chủ sở hữu năm = Tài sản-Nợ

Năm 2005 VCSH= $4.043.553 - 1.238.535 = 2.805.018$ triệu JPY

B, Tổng tài sản tăng : $4.043.553 - 3.587.021 = 456.532$ triệu JPY

Vốn chủ sở hữu tăng: $2.805.018 - 2.396.690 = 408.423$ triệu JPY

Ta thấy rằng TS tăng nhanh hơn VCSH và phần chênh lệch giữa chênh lệch TS và chênh lệch VCSH là phần chênh lệch của nợ:

$$456.532 - 408.423 = 1.238.535 - 1.190.331 = 48.204 \text{ triệu JPY}$$

VCSH đóng vai trò quan trọng hơn nhiều so với nợ trong việc tài trợ cho tăng trưởng TS của công ty

Cơ chế lập báo cáo tài chính

Ví dụ 2:

Một chuyên viên phân tích thu thập được các thông tin của một công ty trước khi công ty đó công bố lợi nhuận như sau:

- Lợi nhuận thuần dự kiến: 150 USD
- Lợi nhuận để lại đầu kỳ: 2.000 USD
- Phân bổ dự kiến cho cổ đông: 50 USD

Hãy ước tính lợi nhuận để lại cuối kỳ của công ty.

Cơ chế lập báo cáo tài chính

Trả lời:

- Lợi nhuận để lại cuối kỳ = lợi nhuận để lại đầu kỳ + lợi nhuận ròng - cổ tức
- Lợi nhuận để lại cuối kỳ = $2.000 + 150 - 50 = 2.100$ USD.

Cơ chế lập báo cáo tài chính

- Bút toán kép (double entry accounting): là cách ghi nhận một giao dịch vào ít nhất 2 tài khoản.
- Ví dụ: tăng một tài sản phải được bù trừ bằng giảm một tài sản khác hoặc tăng của nợ hoặc vốn chủ sở hữu để giữ phương trình kế toán được cân bằng

Cơ chế lập báo cáo tài chính

Ví dụ 3: Hoạch toán theo bút toán kép các giao dịch sau:

Giao dịch	Hoạch toán kế toán
Mua trang thiết bị trị giá 10.000 USD bằng tiền	Tài sản cố định tăng 10.000 USD. Tiền giảm 10.000 USD
Vay 10.000 USD để mua trang thiết bị	TSCĐ tăng 10.000 USD. Nợ dài hạn tăng 10.000 USD
Mua đồ dùng văn phòng trị giá 100 USD bằng tiền	Tiền giảm 100 USD, chi phí tăng 100 USD. Chi phí làm giảm lợi nhuận để lại và do đó vốn chủ sở hữu giảm 100 USD
Mua hàng tồn kho trị giá 8.000 USD bằng tiền và bán với giá 10.000 USD	HTK tăng 8.000; tiền giảm 8.000 Tiền tăng 10.000, HTK giảm 8.000 → TS tăng 2.000 Doanh thu tăng 10.000, GVHB tăng 8.000 → Lợi nhuận ròng tăng 2.000 → Lợi nhuận để lại tăng 2.000 → VCSH tăng 2.000

Cơ chế lập báo cáo tài chính

Ví dụ 4: Hãy hoạch toán các giao dịch sau theo bút toán kép

- 1, Nhận 150.000 USD vốn góp từ 3 chủ sở hữu
- 2, Mua danh mục cổ phiếu và trái phiếu trị giá 100.000 USD
- 3, Trả 3.000 USD thuê văn phòng và nhà xưởng trong đó 2.000 USD là tiền đặt cọc và 1.000 USD là tiền thuê tháng đầu tiên
- 4, Nhận 1.200 USD tiền mặt của khách hàng trả trước để đặt mua báo hàng tháng trong 1 năm.
- 5, chi 600 USD cho quảng cáo trong tháng
- 6, vay 12.000 USD từ ngân hàng để bổ sung cho vốn lưu động
- 7, Gửi đơn hàng đầu tiên cho khách hàng bao gồm 5 quyển sách với giá 25 USD mỗi quyển. Hóa đơn của đơn hàng đáo hạn trong 30 ngày nữa. Giá mua mỗi quyển sách là 20 USD
8. Bán 10 quyển sách với giá 25 USD/quyển và thu tiền ngay. Giá mua mỗi quyển sách là 20 USD.

Cơ chế lập báo cáo tài chính

Giao dịch	Hoạch toán
Nhận 150.000 USD vốn góp từ 3 chủ sở hữu	Tiền (TS) tăng 150.000\$; Vốn góp (VCSH) tăng 150.000\$
Mua danh mục cổ phiếu và trái phiếu trị giá 100.000 USD	Đầu tư (TS) tăng 100.000\$; Tiền (TS) giảm 100.000
Trả 3.000 USD thuê văn phòng và nhà xưởng trong đó 2.000 USD là tiền đặt cọc và 1.000 USD là tiền thuê tháng đầu tiên	Tiền (TS) giảm 3.000 USD; Đặt cọc (TS) tăng 2.000 USD, chi phí trả trước (TS) tăng 1.000 USD
Nhận 1.200 USD tiền mặt của khách hàng trả trước để đặt mua báo hàng tháng trong 1 năm	Tiền (TS) tăng 1.200 USD, doanh thu chưa thực hiện (Nợ) tăng 1.200 USD
chi 600 USD cho quảng cáo trong tháng	Tiền (TS) giảm 600 USD; chi phí quảng cáo tăng 600 USD; Lợi nhuận ròng giảm 600 USD; lợi nhuận để lại giảm 600 USD; VCSH giảm 600 USD
Vay 12.000 USD từ ngân hàng để bổ sung cho vốn lưu động	Tiền tăng (TS) 12.000 USD, nợ ngắn hạn (Nợ) tăng 12.000 USD
Gửi đơn hàng đầu tiên cho khách hàng bao gồm 5 quyển sách với giá 25 USD mỗi quyển. Hóa đơn của đơn hàng đáo hạn trong 30 ngày nữa. Công ty mua một quyển sách với giá 20 USD	Khoản phải thu (TS) tăng 125 USD, doanh thu tăng 125 USD. Hàng tồn kho (TS) giảm 100 USD, giá vốn hàng bán tăng 100 USD.
Bán 10 quyển sách với giá 25 USD/quyển và thu tiền ngay. Giá mua mỗi quyển sách là 20 USD.	Tiền (TS) tăng 250\$, doanh thu tăng 250\$, hàng tồn kho (TS) giảm 200\$, giá vốn hàng bán tăng 200\$.

Cơ sở dồn tích (Accruals)

- Doanh thu và chi phí được ghi nhận khi phát sinh chứ không phải thời điểm thu tiền hay trả tiền và được ghi vào sổ kế toán đồng thời báo cáo trên báo cáo tài chính vào thời kỳ mà chúng phát sinh.

Cơ sở dồn tích

	Phát sinh dòng tiền trước ghi nhận kế toán	Dòng tiền phát sinh trong kỳ ghi nhận kế toán	Dòng tiền phát sinh sau khi ghi nhận kế toán
Doanh thu	Doanh thu chưa thực hiện (unearned revenue)-Công ty nhận tiền trước khi giao hàng -Khi nhận tiền: Tiền (TS) tăng; doanh thu chưa thực hiện (nợ) tăng -Khi giao hàng: Doanh thu tăng và doanh thu chưa thực hiện giảm	Không hoạch toán dồn tích	Doanh thu trả sau (accrued revenue)- Công ty thu tiền bán hàng sau -Khi phát sinh doanh thu: Doanh thu tăng, khoản phải thu (TS) tăng -Khi nhận tiền: Tiền (TS) tăng, khoản phải thu (TS) giảm
Chi phí	Chi phí trả trước (prepaid expense)-Công ty trả tiền trước khi phát sinh chi phí -Khi trả tiền: Tiền (TS) giảm, chi phí trả trước (TS) tăng -Khi phát sinh chi phí: Chi phí tăng, chi phí trả trước giảm		Chi phí trả sau (accrued expense)- Công ty nợ tiền đối với các chi phí đã phát sinh -Khi phát sinh chi phí: Chi phí tăng và chi phí trả sau (nợ) tăng - Khi trả tiền: Chi phí trả sau giảm; tiền giảm

Chuẩn mực kế toán

- Chuẩn mực kế toán quy định số lượng và loại thông tin phải cung cấp cho người cho vay và nhà đầu tư để họ ra quyết định
- Cơ quan lập chuẩn mực là một tổ chức bao gồm các kiểm toán và kế toán chuyên nghiệp có nhiệm vụ đưa ra chuẩn mực
- Cơ quan thi hành chuẩn mực là các cơ quan chính phủ có quyền hành pháp để buộc các công ty và tổ chức thực hiện chuẩn mực

Chuẩn mực kế toán

	Việt Nam	Mỹ	Quốc tế
Cơ quan lập chuẩn mực	Bộ tài chính	Financial Accounting Standards Board (FASB)	International Accounting Standards Board (IASB)
Chuẩn mực	26 chuẩn mực kế toán	Generally Accepted Accounting principles (GAAP)	International Financial Reporting Standards (IFRS)

Chuẩn mực kế toán

Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính :

Việt Nam (CMKT số 21)	Thế giới (IFRS)	Chú giải
Hoạt động liên tục	Going concern basic	Giả định doanh nghiệp đang hoạt động và sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể thấy được
Cơ sở dồn tích	Accrual basic	Ghi nhận sự kiện khi phát sinh chứ không phải khi thu hay thanh toán tiền
Nhất quán	Consistency	Áp dụng các khái niệm, chuẩn mực, phương tính toán nhất quán từ kỳ này qua kỳ khác
Bù trừ	No offsetting	Không được bù trừ tài sản và công nợ, doanh thu và chi phí mà phải trình bày riêng biệt tất cả các khoản mục trên BCTC trừ các trường hợp cho phép
Trọng yếu và tập hợp		Có thể chấp nhận những sai sót nhỏ, không trọng yếu nếu các khoản mục này không làm ảnh hưởng đến tính trung thực và hợp lý của BCTC
Có thể so sánh		Bảng CĐKT, báo cáo KQHĐSXKD, lưu chuyển tiền tệ phải trình bày các số liệu để so sánh.

Chuẩn mực kế toán

Các nguyên tắc lập và trình bày BCTC (tiếp)

Thế giới (IFRS)	Chú giải
Fair presentation	Trình bày một cách trung thực ảnh hưởng của các giao dịch và sự kiện tuân thủ theo chuẩn mực ghi nhận tài sản, doanh thu, chi phí
Materiality	Báo cáo tài chính phải không có thông tin sai lệch và thiếu sót có ảnh hưởng đến quyết định của người sử dụng BCTC

Phân tích tài chính doanh nghiệp

Khái niệm:

Phân tích tài chính doanh nghiệp là sử dụng báo cáo tài chính do công ty cung cấp kết hợp với các thông tin khác để đánh giá hiệu quả hoạt động, tình hình tài chính trong quá khứ, hiện tại và tương lai của công ty nhằm đưa ra các quyết định đầu tư, cho vay và các quyết định kinh tế khác.

Phân tích tài chính doanh nghiệp

Các bước phân tích tài chính doanh nghiệp

- *Bước 1: Xác định mục tiêu và điều kiện phân tích* (thời gian, nguồn thông tin, cách trình bày thông tin)
- *Bước 2: Thu thập số liệu* từ báo cáo tài chính, thông tin ngành, nền kinh tế, phỏng vấn ban lãnh đạo, nhà cung cấp, khách hàng và đến thăm doanh nghiệp
- *Bước 3: Xử lý số liệu*- Điều chỉnh báo cáo tài chính nếu cần thiết, tính toán các chỉ số tài chính, thể hiện bằng biểu...
- *Bước 4: Phân tích và lý giải số liệu*- Sử dụng số liệu để trả lời câu hỏi đặt ra ở bước 1. Đưa ra kết luận và kiến nghị
- *Bước 5: Báo cáo kết quả hay kiến nghị*- Lập báo cáo và cung cấp báo cáo cho các đối tượng quan tâm
- *Bước 6: Cập nhật phân tích*- thực hiện lại các bước trên định kỳ và thay đổi kết luận hay kiến nghị nếu cần thiết.